

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2019

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Phi Hùng và bà Hồ Thị Phi Phương

Th ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Th ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Ngọc Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý 320/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Nữ Minh Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 94/14 thôn Đ, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Nguyên V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 65/17A X, phường Q, thành phố Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 16 tháng 11 năm 2018 và các lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Nữ Minh Th trình bày: Chị Th và anh V sau thời gian tìm hiểu 01 năm thì đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Vĩnh, thành phố Huế vào ngày 30/8/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng chị sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tính không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh V không quan tâm và chăm sóc vợ, con, mỗi lần vợ chồng cãi vã là anh V đập phá đồ đạc trong nhà. Càng ngày, mâu thuẫn của vợ chồng càng gay gắt. Do không thể chung sống với anh V nên khoảng tháng 5/2019, chị Th đã cũng các con về nhà ba mẹ mình để sống. Kể từ khi sống ly thân, chị và anh V không gặp nhau, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2019, bị đơn anh Trần Nguyên V trình bày: Việc tìm hiểu, đi đến kết hôn anh V thống nhất như chị Th trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc và không xảy ra mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/7/2019, chị Trần Nữ Minh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Nguyên V; anh Trần Nguyên V cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Th nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị hòa giải để đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Chị Trần Nữ Minh Th và anh Trần Nguyên V khai có hai con chung là cháu Trần Nguyên Bảo Tr, sinh ngày 18/12/2006 và Trần Nguyên Bảo H, sinh ngày 16/8/2012, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Th. Nếu ly hôn, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Bảo Tr và Bảo H đến khi trưởng thành và yêu cầu anh V cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng. Anh Trần Nguyên V cũng có ý kiến nếu vợ chồng ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Nữ Minh Th và anh Trần Nguyên V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Th ký và nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

- + Về quan hệ hôn nH: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Trần Nữ Minh Th được ly hôn anh Trần Nguyên V.

- + Về con chung: Chị Trần Nữ Minh Th và anh Trần Nguyên V có hai con chung là cháu Trần Nguyên Bảo Tr, sinh ngày 18/12/2006 và Trần Nguyên Bảo H, sinh ngày 16/8/2012. Giao cả hai cháu Bảo Tr và Bảo H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh V cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng.

- + Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Nữ Minh Th và anh Trần Nguyên V khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- + Về án phí: Buộc chị Trần Nữ Minh Th phải chịu án phí ly hôn và anh Trần Nguyên V phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nH: Chị Trần Nữ Minh Th và anh Trần Nguyên V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nH hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian

thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th, anh V tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Càng ngày mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 5/2019, do không thể chung sống với anh Dũng nên chị Th đã chuyển về sống cùng ba mẹ mình. Kể từ khi sống ly hôn cho đến nay, vợ chồng không gặp nhau, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, tình cảm cũng không còn nên chị Th xin ly hôn anh V. Anh Trần Nguyên V cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh vẫn còn Thương yêu chị Th nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng muốn hạnh phúc thì hai bên phải có tình cảm với nhau, phải chung sống, Thương yêu và thông cảm cho nhau. Tuy nhiên hiện nay, chị Th và anh V đã sống ly hôn, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình trạng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Th là chính đáng nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Nữ Minh Th và anh Trần Nguyên V có hai con chung là cháu Trần Nguyên Bảo Tr, sinh ngày 18/12/2006 và Trần Nguyên Bảo H, sinh ngày 16/8/2012. Xét hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Th, các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, chị Th có công việc và thu nhập ổn định nên tiếp tục giao hai cháu Bảo Tr và Bảo H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng. Xét các quy định của pháp luật, cũng như công việc và thu nhập hiện nay của chị Th, anh V, Hội đồng xét xử thấy rằng trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con cái là của cả cha lẫn mẹ nên việc chị Th yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng là chính đáng và có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Nữ Minh Th và anh Trần Nguyên V xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Nữ Minh Th phải chịu án phí ly hôn và anh Trần Nguyên V phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Nữ Minh Th được ly hôn với anh Trần Nguyên V.

2. Về con chung: Chị Trần Nữ Minh Th và anh Trần Nguyên V có hai con chung là cháu Trần Nguyên Bảo Tr, sinh ngày 18/12/2006 và Trần Nguyên Bảo H, sinh ngày 16/8/2012. Giao hai cháu Bảo Tr và Bảo H cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Nguyên V có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho các cháu Bảo Trần và Bảo H mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày chị Trần Nữ Minh Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng anh Trần Nguyên V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Nữ Minh Th và anh Trần Nguyên V xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Nữ Minh Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/008077 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; anh Trần Nguyên V phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường Phước Vĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tú